

Quyền yêu cầu ly hôn trong vụ án hôn nhân gia đình - Thực tiễn áp dụng và kiến nghị hoàn thiện pháp luật

24/10/2025 11:11

Trong phạm vi bài viết này tác giả nêu và phân tích những quy định pháp luật có liên quan về quyền yêu cầu ly hôn, chỉ ra một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật; đồng thời đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện vấn đề này.

1. Quyền yêu cầu ly hôn của người chồng trong vụ án hôn nhân gia đình

Hiện nay trong quá trình giải quyết các vụ án hôn nhân và gia đình Tòa án thường sẽ trả lại đơn khởi kiện của người chồng theo khoản 3 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình (Luật HNGĐ) 2014. Cụ thể: *“Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi”*.

Khoản 3, 4, 5 Điều 2 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“3. Chồng không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn trong khoảng thời gian dưới 12 tháng tính từ ngày vợ sinh con hướng dẫn tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này hoặc ngày đình chỉ thai nghén hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều này.*

4. Trường hợp vợ đang có thai, sinh con thì chồng không có quyền yêu cầu ly hôn mà không phân biệt vợ có thai, sinh con với ai.

5. Trường hợp vợ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì chồng không có quyền yêu cầu ly hôn mà không phân biệt con đẻ, con nuôi”.

Với quy định khoản 3 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 và hướng dẫn tại Nghị quyết trên thì sẽ dẫn tới một số điểm bất hợp lý. Vấn đề đặt ra là nếu trong trường hợp người vợ không đồng ý việc ly hôn, mang thai và sinh con với người khác nhiều

lần thì quyền yêu cầu ly hôn của người chồng có được bảo đảm và giữa quy định trên có mâu thuẫn với những quy định của các luật khác có liên quan?. Hiện nay vấn đề này vẫn còn có nhiều quan điểm khác nhau như sau:

Quan điểm thứ nhất, trong trường hợp này người chồng cũng không được quyền yêu cầu ly hôn. Đứng dưới góc độ pháp luật hay đạo đức xã hội thì cần quy định để bảo vệ người phụ nữ trong thời kỳ có thai và nuôi con nhỏ. Pháp luật cũng ghi nhận việc người chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp người vợ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi dù cho đó là con đẻ của cả hai vợ chồng hoặc là con nuôi của hai vợ chồng. Quy định này cũng nhằm bảo đảm cho người mẹ được ổn định trong việc nuôi con nhỏ, bảo đảm quyền làm mẹ khi được nuôi con nhỏ. Mặc dù con không phải của người chồng nhưng nếu trong trường hợp người vợ mang thai thì người chồng cũng nên quan tâm, chăm sóc người vợ vì nghĩa vụ của vợ chồng là yêu thương, chăm sóc nhau. Trong trường hợp này, nếu người chồng ly hôn thì có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lý của người vợ[1].

Quan điểm thứ hai cho rằng, trong trường hợp này, nếu như có căn cứ cho rằng người này cố tình mang thai hoặc sinh con đến lần thứ hai, từ sau khoảng thời gian Tòa án trả đơn lần thứ nhất thì Tòa án vẫn có thể thụ lý giải quyết cho ly hôn. Ngoài ra, cũng có ý kiến đồng tình người chồng có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì sự “chung thủy” là một trong những nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật HNGĐ. Đặc biệt, khi việc không chung thủy khiến quan hệ vợ chồng trầm trọng, không thể sống cùng với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Khi gửi đơn đến Tòa thì người chồng phải có đầy đủ chứng cứ về việc người vợ không chung thủy, người con không phải con của mình[2].

Quan điểm tác giả: Sau khi nghiên cứu qua nội dung các ý kiến trên, tác giả cho rằng, trong vụ án ly hôn quyền ly hôn là một trong các quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014[3]. Việc bảo vệ quyền

lợi của phụ nữ và trẻ em trong vụ án ly hôn là điều cần thiết. Tuy nhiên, nếu như lạm dụng quyền này để gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của chủ thể khác thì không được. Bản chất của việc khởi kiện, giải quyết tại Tòa án là khôi phục lại trạng thái cân bằng trước khi các bên bị xâm phạm. Nên vấn đề lạm dụng quyền này cần được khắc phục cho phù hợp.

Do đó, theo quan điểm tác giả, trong thời gian tới cần hướng dẫn khoản 3 Điều 51 Luật HNGĐ 2014 theo hướng: *Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp người vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi (trong lần nộp đơn thứ nhất). Trong trường hợp người vợ tiếp tục mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, ở lần nộp đơn khởi kiện ly hôn lần thứ hai, kể từ khi Tòa án trả đơn thì chồng vẫn có quyền yêu cầu giải quyết theo thủ tục chung nếu người vợ cố tình tiếp tục mang thai, hoặc sinh con với người khác, gây cản trở đến quyền ly hôn của người chồng. Hướng giải quyết này không những vừa bảo đảm quyền lợi của người mẹ và trẻ em trong vụ án ly hôn mà còn bảo vệ quyền ly hôn của người chồng, một trong những quyền nhân thân được pháp luật bảo vệ.*

2. Quyền yêu cầu ly hôn của người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

Hiện nay, tại Điều 23 Bộ luật Dân sự (BLDS) 2015 bổ sung thêm trường hợp người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự thì theo yêu cầu của người này, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần, Tòa án ra quyết định tuyên bố người này là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định người giám hộ, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

Trước đây theo BLDS 2005, căn cứ vào khả năng nhận thức và làm chủ hành vi mà được phân ra nhiều mức độ khác nhau. Cá nhân khi đủ độ tuổi và không thuộc trường hợp mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì họ là những người có năng lực pháp luật đầy đủ, là người tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự bằng hành vi của họ và tự chịu trách nhiệm, tự thực hiện nghĩa vụ dân sự bằng hành vi của họ. Điều này không phù hợp và không bảo đảm yếu tố công bằng về quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong các quan hệ dân sự. Bởi trong trường hợp nếu cá nhân bị khuyết thiếu mà ảnh hưởng đến nhận thức và làm chủ hành vi của họ (ví dụ người già, người tàn tật có khả năng nhận thức không sáng suốt dẫn tới không làm chủ và thực hiện được hành vi) nhưng không thuộc trường hợp mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự mà phải thực hiện và chịu trách nhiệm như một người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì rất bất hợp lý. Vì trên thực tế không phải mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân lúc nào cũng chỉ trong hai thái cực: hoàn toàn đầy đủ hoặc mất mà có rất nhiều người tuy khả năng nhận thức và làm chủ không đầy đủ nhưng chưa đến mức mất hoàn toàn năng lực hành vi dân sự nên việc bổ sung thêm đối tượng người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi là một điều cần thiết.

Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi cũng gặp nhiều “hạn chế” trong việc thực hiện quyền của mình. Vì vậy, trong BLDS 2015, đã ghi nhận thêm người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thuộc diện được giám hộ - đây được coi là điểm mới có giá trị, thể hiện được tính bao quát các trường hợp người được giám hộ, góp phần bảo vệ tốt hơn các chủ thể là người yếu thế trong các giao dịch dân sự.

Như vậy, có thể thấy được quy định Điều 23 BLDS 2015 và khoản 2 Điều 51 Luật HNGĐ 2014 quy định không thống nhất với nhau, bỏ sót trường hợp một bên vợ hoặc chồng là người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân

sự (hay nói cách khác là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi) đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ[4].

Do đó, trong trường hợp vợ hoặc chồng là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ thì cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hướng bổ sung này sẽ khắc phục được những thiếu sót trong quá trình áp dụng pháp luật và thống nhất giữa BLDS 2015 và Luật HNGĐ 2014.

Theo tác giả để tương tích với Điều 23 BLDS 2015 quy định về trường hợp người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, tác giả kiến nghị khi sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần hướng dẫn bổ sung khoản 2 Điều 51 Luật HNGĐ 2014 theo hướng như sau: *“Cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, hoặc người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ”*[5].

3. Giải quyết ly hôn khi không lấy được ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên

Hiện nay, số lượng vụ án hôn nhân gia đình có tranh chấp về nuôi con chung ngày càng tăng về số lượng và phức tạp về nội dung. Có nhiều vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về việc nuôi con chung từ đủ 07 tuổi chưa thành niên gay gắt, Tòa án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc lấy ý kiến con chung chưa thành niên

dẫn đến nhiều vụ án thời gian giải quyết kéo dài, quá hạn luật định hoặc bị hủy/sửa do Tòa án không lấy ý kiến con chung chưa thành niên. Điều này xuất phát từ những quy định pháp luật có liên quan trong việc bắt buộc lấy ý kiến của con chung chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trong các vụ án ly hôn cụ thể:

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì “vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”.

Theo quy định tại Điều 55 Luật HNGĐ 2014 về thuận tình ly hôn thì: *“Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn”.*

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ 2014 về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn như sau: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.*

Như vậy, theo các quy định nêu trên thì khi vợ chồng tiến hành ly hôn tại Tòa án, bất kể là thuận tình ly hôn hay đơn phương ly hôn thì việc xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên là thủ tục bắt buộc mà Tòa án phải thực hiện.

Hay theo quy định khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định: *“Đối với vụ án tranh chấp về nuôi con khi ly hôn hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên, trường hợp cần thiết có thể mời đại diện cơ quan*

quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em chứng kiến, tham gia ý kiến. Việc lấy ý kiến của con chưa thành niên và các thủ tục tố tụng khác đối với người chưa thành niên phải bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người chưa thành niên, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, giữ bí mật cá nhân của người chưa thành niên”.

Theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định cụ thể tại Điều 6. Giải quyết việc nuôi con khi ly hôn quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình:

“1. Khi xem xét “quyền lợi về mọi mặt của con” quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình phải đánh giá khách quan, toàn diện các tiêu chí sau đây:

a) Điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bao gồm cả khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột;

b) Quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, được duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi;

c) Sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ;

d) Sự quan tâm của cha, mẹ đối với con;

đ) Bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con;

e) Nguyện vọng của con được ở cùng với anh, chị, em (nếu có) để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con;

g) Nguyện vọng của con được sống chung với cha hoặc mẹ.

2. *Việc lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trở lên quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: a) Bảo đảm thân thiện, phù hợp với tâm lý, độ tuổi, mức độ trưởng thành để con có thể bày tỏ đúng và đầy đủ ý kiến của mình; b) Không lấy ý kiến trước mặt cha, mẹ để tránh gây áp lực tâm lý cho con; c) Không ép buộc, không gây áp lực, căng thẳng cho con”.*

Xuất phát từ những quy định này đã dẫn đến trong xét xử các vụ án hôn nhân gia đình có tranh chấp về việc nuôi con chung từ đủ 07 tuổi, Tòa án bắt buộc phải lấy ý của con chung để xem xét giao con cho một bên cha hoặc mẹ nuôi dưỡng nếu không lấy ý kiến con chung mà tiến hành xét xử giao con chung cho một bên cha hoặc mẹ nuôi dưỡng đều đó sẽ dẫn đến vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, thực tiễn thì luôn diễn ra đa dạng, phức tạp những quy định trên chưa khái quát hết đến các trường hợp phát sinh trong thực tiễn xét xử đó là *trường hợp không lấy được ý kiến con chung từ đủ 07 tuổi*. Một số Tòa án cho rằng phải lấy ý kiến của con chung vì đây là thủ tục bắt buộc nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên và của con chưa thành niên. Nhưng nếu dựa theo quan điểm này, thì việc không lấy được ý kiến con chung chưa thành niên đồng nghĩa với việc Tòa án sẽ gặp khó khăn và không thể đưa vụ án ra xét xử dẫn đến vụ án sẽ kéo dài, quá hạn luật định và vụ án sẽ không được giải quyết một cách nhanh chóng kịp thời.

Quan điểm khác lại cho rằng: Trường hợp này, đây không phải là căn cứ để Tòa án đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án, khi giải quyết giao con chung cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng Tòa án phải xem xét toàn diện về mọi mặt của con chung từ trước đến nay cháu sống chung với ai và có đi học, phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Việc Tòa án áp dụng thống nhất tình huống pháp ý theo quan điểm này vào trong thực tiễn xét xử sẽ giải quyết được những vấn đề lý luận, bất cập trong quy định pháp luật và thực tiễn đặt ra như sau:

Thứ nhất về mặt lý luận: Trong trường hợp này quan điểm này là hoàn toàn hợp lý xuất phát từ vụ án ly hôn là một trường hợp đặc thù; Quyền ly hôn là một trong các quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 39 BLDS 2015, Điều 51 Luật HNGĐ 2014, không thể vì một vấn đề không lấy được ý kiến của con chung mà chậm trễ trong việc giải quyết các tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

Ngoài ra, trong vụ án hôn nhân gia đình quan hệ con chung là quan hệ bắt buộc phải giải quyết trong vụ án Tòa án do có những tính chất đặc thù riêng chỉ có thể giao con cho một trong hai bên nuôi dưỡng con chung không phụ thuộc vào đương sự có yêu cầu hay không yêu cầu. Tòa án phải xem xét về điều kiện mọi mặt của một trong hai bên để giao con cho một bên nuôi dưỡng nhằm tạo điều kiện cho con phát triển tốt nhất.

Thứ hai về mặt quy định pháp luật: Hiện nay, những quy định của pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014, BLTTDS năm 2015 quy định bắt buộc lấy ý kiến của con chung chưa thành niên từ đủ 07 tuổi trong các vụ án ly hôn là quá cứng nhắc và không phù hợp với thực tiễn. Do đó, cần bổ sung tình huống pháp lý không cần thiết phải lấy ý kiến con chung nếu như Tòa án không thể lấy được, để giải quyết những khiếm khuyết của những quy định trên nhằm giải quyết vụ án được nhanh chóng và hiệu quả bảo đảm quyền lợi các bên tranh chấp.

Thứ ba về mặt thực tiễn: Quan điểm giải quyết vụ án ly hôn khi không lấy được ý kiến con chung chưa thành niên sẽ giúp giải quyết được vấn đề thực tiễn đặt ra hiện nay, vụ án nhanh chóng được xét xử, khắc phục các vụ án quá hạn luật định, bảo đảm hài hòa quyền lợi của các bên trong vụ án và con chung.

Ví dụ: Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 40/2024/HNGĐ-ST ngày 25/4/2024 về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*”, của Tòa án nhân dân

thành phố R, tỉnh K, giữa: Nguyên đơn: Anh Cao Thanh P. Bị đơn: Chị Lê Thị Hồng Ng, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 170/1 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Nội dung vụ án: Anh Cao Thanh P và chị Lê Thị Hồng Ng xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Cao Gia L, sinh ngày 06/7/2004, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Cao Gia H, sinh ngày 18/7/2009. Anh P yêu cầu giao 01 người con chung Cao Gia H, sinh ngày 18/7/2009 cho chị Ng nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của hội đồng xét xử: Xét thấy, trong thời gian anh P và chị Ng sống ly thân với nhau cho đến nay cháu Cao Gia H, sinh ngày 18/7/2009 do chị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không lấy được ý kiến của cháu H về nguyện vọng sống với chị Ng, nhưng đây không phải là căn cứ để Tòa án đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án, khi giải quyết giao con chung cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng Tòa án đã xem xét toàn diện về mọi mặt của cháu H do từ trước đến nay cháu sống chung với chị Ng và có đi học, phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Vì vậy, để bảo đảm về mặt tâm lý và cuộc sống ổn định hiện tại của cháu Cao Gia H, Hội đồng xét xử thấy nên xử giao cháu Cao Gia H cho chị Ng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Xử giao 01 con chung tên Cao Gia H, sinh ngày 18/7/2009 cho chị Lê Thị Hồng Ng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nếu sau này các bên có tranh chấp về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung có thể khởi kiện thành vụ án khác nếu có yêu cầu.

Có thể thấy, hiện nay pháp luật không quy định cụ thể về trường hợp này, nhưng lập luận của Hội đồng xét xử là hoàn toàn phù hợp. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không lấy được ý kiến của cháu H về nguyện vọng sống với chị Ng, nhưng đây không phải là căn cứ để Tòa án đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án, khi giải quyết giao con chung cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng Tòa án đã

xem xét toàn diện về mọi mặt của cháu H do từ trước đến nay cháu sống chung với chị Ng và có đi học, phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Vì vậy, để bảo đảm về mặt tâm lý và cuộc sống ổn định hiện tại của cháu Cao Gia H, Hội đồng xét xử thấy nên xử giao cháu Cao Gia H cho chị Ng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp...”.

Kiến nghị: Tác giả kiến nghị theo hướng trong vụ án hôn nhân gia đình, một bên vợ/chồng có yêu cầu ly hôn và đề nghị giao con chung chưa thành niên từ 07 tuổi trở lên đang do người vợ/chồng trực tiếp nuôi dưỡng cho người này tiếp tục nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, người đang trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên cố tình vắng mặt, Tòa án không lấy được lời khai của con chung chưa thành niên nên không biết nguyện vọng của con chung. Tòa án tiếp tục giao cho người đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên từ 07 tuổi trở lên được tiếp tục nuôi dưỡng nếu bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con.

TS. Lý Văn Toán (Thẩm phán TAND khu vực 4 - An Giang)

[1] Lê Viết Thịnh - Đinh Thị Thùy, *Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, vướng mắc và kiến nghị*, <https://tapchitoaan.vn/quyen-yeu-cau-giai-quyet-ly-hon-theo-luat-hon-nhan-va-gia-dinh-nam-2014-vuong-mac-va-kien-nghi9614.html>, truy cập ngày 30/6/2025.

[2] Lê Viết Thịnh & Đinh Thị Thùy, *tlđđ*.

[3] Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TANDTC hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[4] Lý Văn Toán, *Sự tương thích của Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 về đại diện giữa vợ và chồng khi một bên có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi*, Tạp chí Kiểm sát, số 17, 2018, tr.43.

^[5] Lý Văn Toán, *Góp ý dự thảo Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*, <https://tapchitoaan.vn/gop-y-du-thao-nghi-quyet-huong-dan-ap-dung-mot-so-quy-dinh-cua-luat-hon-nhan-va-gia-dinh-nam-2014>, truy cập ngày 30/6/2025.